

**Uh Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: Phạn ngữ “HỌC PĀLI TRONG 32 BÀI”**

**Bài học ngày 1.10.2021**

---

## **BÀI 16. CHIA ĐỘNG TỪ MỆNH LỆNH CÁCH**

### **1. Mệnh lệnh cách**

Mệnh lệnh cách diễn tả sự ra lệnh, chúc phúc, cầu nguyện, mong mỏi.

Nguyên mẫu: **paca** = nấu

#### **Số ít**

Ngôi thứ ba \_ (So) pacatu = Hãy để nó nấu

Ngôi thứ hai \_ (Tvam) paca, pacāhi = Anh hãy nấu

Ngôi thứ nhất \_ (Aham) pacāmi = Hãy để tôi nấu

#### **Số nhiều**

Ngôi thứ ba \_ (Te) pacantu = Hãy để họ nấu

Ngôi thứ hai \_ (Tumhe) pacatha = Các anh hãy nấu

Ngôi thứ nhất \_ (Mayam) pacāma = Hãy để chúng tôi nấu

Nên lưu ý ngôi thứ hai số nhiều và ngôi thứ nhất số ít và số nhiều mang hình thức giống như thời hiện tại.

Tiểu từ ngăn cản **mā (dùng, chớ)** được dùng với mệnh lệnh cách.

### **Vài câu kiểu mẫu**

#### **Số ít**

1. So vāṇijānaṃ bhattaṃ pacatu.

*Hãy để ông ấy nấu cơm cho những người thương buôn*

2. Tvam rathena nagaram gaccha / gacchāhi.  
*Anh hãy đi đến thành phố bằng xe*

3. Aham dhammam uggaṇhāmi.  
*Hãy để tôi học hỏi giáo pháp*

### **Số nhiều**

1. Te vāṇijānam bhattam pacantu.  
*Hãy để họ nấu cơm cho những người thương buôn*

2. Tumhe rathena nagaram gacchatha.  
*Các anh hãy đi đến thành phố bằng xe*

3. Mayam dhammam uggaṇhāma.  
*Hãy để chúng tôi học hỏi giáo pháp*

### **Tiểu từ mā**

1. Mā tumhe saccam parivajjetha.  
*Các anh đừng tránh né sự thật*

2. Mā te uyyānamhi pupphāni ocinantu.  
*Đừng để họ hái hoa trong công viên*

## **PĀLI VUI ĐỂ HỌC**

### **Biết đâu rằng lạ, biết đâu quen**

Ngôn ngữ vốn biến hoá khôn lường theo thời gian, địa dư, văn hoá. Có nhiều tiếng ngoại quốc mà lại quen thuộc hơn là cách gọi trong ngôn ngữ của mình. Đặc biệt ngày nay nhiều người Việt Nam sống khắp các năm châu nên nhiều danh từ nước ngoài thấy gần gũi dễ hiểu hơn là dịch sang tiếng mẹ đẻ. Thí dụ: chúng ta quen với hoa tulip hơn là hoa uất kim hương, con kangaroo hơn là con đại thụ, hoa lavender hơn là hoa oải hương.

Trong thế giới ngôn ngữ Phật học cũng vậy. Có rất nhiều từ vựng thấy lạ mà quen, thấy quen mà lạ. Đôi khi người ta phiên âm lại quen thuộc hơn dịch nghĩa thí

dụ Hy mã Lạp Sơn (Himalaya) được biết nhiều hơn là Tuyết Sơn. Điều thú vị là trong tích truyện người ta chuộng chữ dịch Tuyết Sơn hơn.

Có những từ vựng dùng phổ thông trong văn học dân gian như “nê hoàn” phiên âm của nirvana lại ít được biết hơn âm niết bàn thường tìm thấy trong kinh điển (Ngài Tịnh Sự phiên âm là níp bàn theo Pāli là nibbāna).

Từ Prajñā (Sanskrit) hay paññā (Pāli) có nghĩa là trí tuệ nhưng được âm là bát nhã lại mang ý nghĩa đặc biệt khác do vậy có cụm từ là trí tuệ bát nhã. Người ta thường hiểu bát nhã là tuệ giác, một sự thành tựu tối hậu trong lúc nguyên nghĩa Phạm ngữ thì paññā đơn thuần là trí tuệ.

Có nhiều lúc một chữ mà có hai gốc nên mang hai ý nghĩa hoàn toàn khác biệt. Xá Lợi Tử là tên của một đại đệ tử Phật tức Ngài Sāriputta. Xá lợi tử cũng còn có nghĩa là “hạt xá lợi” chỉ cho di cốt của Đức Phật (hay các vị thánh tăng) dưới dạng tinh thể như hạt cải, hạt thóc. (Hạt cải trong Hán Việt cũng gọi là giới tử)

Người ta hỏi rằng nhập nhằng như vậy là sao để phân biệt. Có người trả lời là ... hên xui.

## **PĀLI TRONG NGHI THỨC NHẬT HÀNH**

*Yānīdha bhūtāni samāgatāni  
bhummāni vā yāniva antalikkhe  
tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ  
buddhaṃ namassāma suvatthi hotu*

Chúng thiên nhân các cõi  
Dù thiên tiên địa tiên  
Đã vân tập nơi đây  
Hãy chí thành đánh lễ  
Đức Phật bậc như lai  
Được chư thiên nhân loại  
Đánh lễ và cúng dường  
Mong với chân ngôn này  
Tự thành muôn hạnh phúc.

***Yānīdha bhūtāni samāgatāni  
bhummāni vā yāniva antalikhe  
tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ  
dhammaṃ namassāma suvatthi hotu***

Chúng thiên nhân các cõi  
Dù thiên tiên địa tiên  
Đã vân tập nơi đây  
Hãy chí thành đánh lễ  
Chánh Pháp đạo như chân  
Được chư thiên nhân loại  
Đánh lễ và cúng dường  
Mong với chân ngôn này  
Tự thành muôn hạnh phúc.

***Yanītha bhūtāni samāgatāni  
bhummāni vā yāniva antalikkhe  
tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ  
saṅghaṃ namassāma suvatthi hotu***

Chúng thiên nhân các cõi  
Dù thiên tiên địa tiên  
Đã vân tập nơi đây  
Hãy chí thành đánh lễ  
Tăng Chúng bậc như đức  
Được chư thiên nhân loại  
Đánh lễ và cúng dường  
Mong với chân ngôn này  
Tự thành muôn hạnh phúc.

## **BÀI TẬP 16**

### **Dịch sang tiếng Pāli**

1. Bhūpālā dhammena dīpaṃ pārentu.
2. Mā manusso bhāyatu, sace so saccaṃ jānāti, bhāsatu.
3. Tumhe pāpaṃ karonte putte ovadatha.
4. Sugato dhammaṃ desetu, sāvakā ca upāsakā ca vihārasmiṃ nisīdanti.
5. Mā te pāpakammāni katvā manussalokamhā cavitvā narake (in purgatory) uppajjantu.
6. Mā corā kassakānaṃ goṇe mārentu.

### **Dịch sang tiếng Việt**

1. Mong nhà vua sẽ cai trị đảo quốc và bảo vệ dân chúng đúng pháp.
2. Hãy để những đứa con chơi trong công viên nhật lá rơi.
3. Hãy để những nông dân và thương gia tụ tập trong chợ.
4. Hãy cho những đứa con trai lên núi nhìn các con sư tử, các con nai và các con chim.
5. Đừng chặt những cây trong các khu rừng nếu bạn muốn bảo vệ những con nai.
6. Đừng để đứa bé đi xuống cầu thang, nó sẽ té.

## **SỬA BÀI TẬP 15**

### **Dịch sang tiếng Việt**

1. Sace tvam dhammaṃ suṇeyyāsi, addhā (certainly) tvam Buddhassa sāvako bhaveyyāsi.
2. Yadi te gītāni gāyituṃ uggaṇheyyuṃ, ahaṃ pi uggaṇheyyāmi.
3. Sace tvam bijāni paṇḍeyyāsi, kassako tāni (them) khetto vapeyya.
4. Sace tumhe padumāni ocineyyātha, kumārā tāni Buddhassa pūjeyyūṃ.
5. Sace tvam mūlaṃ gaṇheyyāsi, ahaṃ dussaṃ ādādeyyāmi.
6. Yadi mayaṃ bhūpālena saha manteyyāma amaccā na āgaccheyyūṃ.

## **Dịch sang tiếng Pāli**

1. Nếu bạn bao che sự ác quấy của con cái thì họ sẽ trở thành những kẻ đầy trộm đuôi cướp.
2. Nếu các con muốn trở thành những hiền nhân thì hãy tránh ác hạnh.
3. Nếu chúng ta nhìn thế giới bên ngoài sẽ thấy những sự vật; nếu chúng ta nhìn vào nội tâm sẽ thấy những thiện và ác.
4. Nếu anh bắt đầu hát thì các con sẽ nhảy múa
5. Nếu chúng ta chết từ cõi nhân loại thì chúng ta sẽ không sợ thế giới nhân gian
6. Nếu chư thiên sanh trong cõi người học sẽ làm các phước sự.

***Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng***